

Bản án số: **04/2023/DS-PT**

Ngày 05/01/2023

"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Viết Nam;

Các Thẩm phán:

Bà Đoàn Thị Kim Thương;

Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại Phòng xét xử số 03 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2022/TB-TLVA ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 123/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1940.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trần Văn A, sinh năm 1977 (*Giấy ủy quyền ngày 08/3/2022*); có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn PT, xã TA, huyện CL, tỉnh QT

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Lê Thị Thủy Ng– Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: Số X THĐ, thành phố ĐH, tỉnh QT; có mặt.

Ông Lê Hồng S– Luật sư Công ty Luật hợp danh FDVN, chi nhánh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: X, ĐBP, phường Đ, thành phố H, tỉnh TTH; có mặt.

Bị đơn: Cộng đồng dân cư thôn AX (nay là thôn ATh), xã TA, huyện CL, tỉnh QT.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Văn P– chức vụ: Trưởng thôn ATh, xã TA, huyện CL, tỉnh QT (*Giấy ủy quyền ngày 07/4/2022*); vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện CL, tỉnh QT; trụ sở chính: Đường x, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh QT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành C1 – chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CL, tỉnh QT (*Giấy ủy quyền ngày 06/4/2022 và ngày 25/7/2022*); có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ UBND xã TA, huyện CL, tỉnh QT; trụ sở chính: Thôn PL, xã TA, huyện CL, tỉnh QT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Đăng Đ – Cán bộ địa chính xã TA, huyện CL, tỉnh QT (*Giấy ủy quyền ngày 12/7/2022*); có mặt.

+ Anh Trần Văn A, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn PT, xã TA, huyện CL, tỉnh QT; có mặt.

+ Chị Trần Thị A1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Khu phố x, phường x, thành phố ĐH, tỉnh QT, vắng mặt. (*Chị A1 ủy quyền cho anh Trần Văn A tham gia tố tụng tại phiên tòa theo giấy ủy quyền ngày 07/6/2022*).

Người kháng cáo – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn A; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/10/2019, các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà Hoàng Thị T và ông Trần Văn X (sinh năm: 1935, chết năm: 2006) sinh được hai người con là Trần Văn A và Trần Thị A1. Vào năm 1976, sau khi từ miền Bắc trở về quê hương sinh sống, bà T, ông X có đơn xin cấp đất làm nhà và đã được UBND xã CA đồng ý, bố trí thửa đất với diện tích khoảng 2 sào (1.000 m²) tại thôn AX, xã CA, huyện CL, tỉnh QT. Thửa đất có vị trí: phía Đông giáp đường vào làng, giếng nước; phía Tây giáp trường học và nhà tập thể cô, thầy; phía Nam giáp ao cá, đường cái; phía Bắc giáp vườn sản Tập đoàn. Quá trình sử dụng đất bà T, ông X đăng ký đất đai theo đúng quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, giấy tờ xin cấp đất trước đây bị thất lạc nên ông Trần Văn X đã báo sự việc đến UBND xã CA nhờ xác nhận lại nội dung xin cấp đất trước đây theo Báo cáo lập ngày 02/02/1995 và đã được ông Hoàng G - Nguyên Ủy viên Thường vụ huyện ủy, Trưởng ban tổ chức huyện ủy CL xác nhận: “*Ông Trần Văn X lúc đó là cán bộ xã đã có đơn xin đất làm nhà tại thôn AX, xã CA ở vị trí như trong đơn đã trình bày. Hiện nay gia đình vẫn đang ở tại địa điểm trên*”. Ngày 25/12/2003, bà T, ông X được UBND huyện CL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (viết tắt là GCNQSD) đất số X

475094 cho ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị T; diện tích: 450 m²; trong đó có 200 m² đất ở và 250 m² đất vườn; tờ bản đồ số: 24; số thửa 126/1; địa chỉ thửa đất: Xã CA, huyện CL, tỉnh QT. Ngày 20/12/2011, gia đình bà T, ông X đã chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích đất được cấp GCNQSD đất nói trên cho bà Trương Thị Minh L. Bà Trương Thị Minh L đã được UBND huyện CL cấp GCNQSD đất số BD 015440 ngày 10/02/2012. Phần diện tích đất còn lại khoảng 550 m² UBND huyện CL cho rằng quy hoạch làm Hội trường Cộng đồng dân cư thôn AX nên không thực hiện thủ tục cấp GCNQSD đất cho bà T, ông X. Do đó, bà T, ông X tạm thời đồng ý chỉ xin cấp 450 m², diện tích còn lại chưa cấp và cũng chưa thu hồi nên chờ giải quyết của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, khi chưa có quyết định thu hồi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhưng Cộng đồng dân cư thôn AX tự ý chiếm dụng trái phép để xây dựng nhà “Trung tâm Văn hóa học tập cộng đồng thôn AX”. Nhận thấy việc sử dụng trái phép này khi chưa có quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền, chưa bồi thường, hỗ trợ đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T, ông X nên bà Hoàng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Buộc Cộng đồng dân cư thôn AX (nay là thôn ATh), xã ThA, huyện CL phải trả lại cho gia đình bà Hoàng Thị T phần diện tích đất mà Cộng đồng dân cư thôn ATh đang sử dụng làm nhà “Trung tâm Văn hóa học tập cộng đồng thôn AX” có diện tích 550m², địa chỉ: Thôn AX, xã CA, huyện CL, tỉnh QT, đồng thời buộc Cộng đồng dân cư thôn AX (An Th) phải tháo dỡ nhà “Trung tâm Văn hóa học tập cộng đồng thôn AX (An Th)” do xây dựng trái phép.

Sau khi Tòa án tiến hành thẩm định, đo đạc diện tích đất tranh chấp đã xác định diện tích mà Cộng đồng dân cư thôn ATh đang sử dụng là 499m². Nguyên đơn cho rằng diện tích trên là đúng thực tế nên nguyên đơn yêu cầu Cộng đồng dân cư thôn ATh trả lại diện tích 499m² đất mà Cộng đồng dân cư thôn ATh đang sử dụng và tháo dỡ công trình trên đất. Trường hợp nếu không thể phá dỡ công trình trên thì đề nghị UBND các cấp cấp thửa đất khác có diện tích tương đương cho hộ gia đình bà Hoàng Thị T.

Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện bị đơn trình bày:

Thửa đất xây dựng Nhà văn hóa thôn AX (nay là An Th) thuộc thửa số 126, tờ bản đồ địa chính số 24, có diện tích 1089 m² (theo Sổ mục kê năm 1997, thửa đất trên được phân thành 3 loại đất: Đất ở 200 m²; đất vườn 300 m²; đất chuyên dùng khác 589m²). Tại bản đồ Địa chính chỉnh lý năm 2006, thửa đất trên thuộc thửa số 167, tờ 24, diện tích 639 m², loại đất tín ngưỡng. Theo trình bày của ông

Trần Văn X, bà Hoàng Thị T tại văn bản báo cáo lập 1995: Năm 1976, gia đình ông được giao đất tại vị trí trên để xây dựng nhà ở và vườn với diện tích khoảng 2 sào (giấy tờ liên quan bị mất). Năm 1995, ông X lập báo cáo được cán bộ xã, huyện xác nhận sự việc có giao đất cho ông X. Theo kết quả kiểm tra, xác minh của UBND xã CA về tình hình sử dụng đất: Từ 1976 – 1997, gia đình ông X có làm nhà tại thôn AX. Trong thời gian sinh sống khoảng từ 1997 – 1999, do hỏa hoạn nhà ông X bị cháy, theo quan niệm của bà con về mặt tâm linh việc cháy nhà của ông X và bà T là do làm nhà ở trên đất miếu báo Hỏa của làng. Do vậy, nhân dân làng AX có đề nghị và được sự đồng ý của gia đình ông X, Ban làng hỗ trợ kinh phí để ông X di chuyển nhà và bờ rào ranh giới về phía sau (ngang với đình làng AX trở về sau đến giáp ranh giới nhà ông Th1 và bà T1), nhượng lại phần đất phía trước để xây dựng Miếu thờ. Cuối năm 1999, ông X đưa gia đình về quê (thôn PT) sinh sống, căn nhà tạm tại thôn AX ông X giao lại cho con trai là anh Trần Văn A tiếp tục sử dụng. Đến năm 2000, ông Trần Văn X được cấp GCNQSD đất tại thôn PT, xã CA (nay là TA), huyện CL. Cuối năm 2000, anh Trần Văn A tháo dỡ nhà về chung sống cùng bố mẹ tại thôn PT. Từ cuối năm 2000 – 2003, khu đất bỏ trống, không sử dụng. Năm 2003, ông X có nhu cầu cấp GCNQSD đất, UBND xã CA (nay là TA) đã có buổi làm việc tại thôn với anh Trần Văn A, đại diện gia đình. Tại biên bản ngày 23/6/2003, UBND xã xác định ông X có cùng lúc 2 vị trí đất ở được Nhà nước cấp, trên địa bàn xã CA, tuy nhiên hoàn cảnh gia đình ông là đối tượng chính sách khó khăn, UBND xã thống nhất cấp GCNQSD đất cho ông X theo hiện trạng sử dụng (tại thời điểm này ông A chỉ sử dụng phạm vi từ ngang đình làng về phía nhà bà T1). Tại buổi làm việc ngày 23/6/2003, ông A chưa đồng ý, tuy nhiên sau khi trao đổi với gia đình, ngày 24/6/2003, ông A đồng ý đề nghị cấp GCNQSD đất theo kết luận tại cuộc họp ngày 23/6/2003. Sau khi giải quyết xong việc cấp GCNQSD đất cho ông X, vào năm 2004, Chi đoàn thanh niên thôn AX san lấp xây dựng sân bóng. Năm 2006, được sự thống nhất của UBND huyện CL, UBND xã cùng các hộ dân trong thôn xây dựng Nhà văn hóa thôn và sử dụng ổn định từ đó đến nay. Sau khi được ủy quyền của Cộng đồng dân cư thôn AX (nay là thôn ATh) để tham gia vụ án, đại diện bị đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại văn bản trình bày ý kiến, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện UBND huyện CL trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình xây dựng Nhà văn hóa học tập Cộng đồng thôn ATh thì UBND huyện CL đã có quyết định hỗ trợ xây dựng với số tiền 20.000.000 đồng và giao cho UBND xã làm chủ đầu tư

công trình. Năm 2007, công trình xây dựng xong và đưa vào sử dụng. Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và các căn cứ pháp lý liên quan thì UBND huyện CL giữ nguyên theo quan điểm đã giải quyết như trước đây. Cụ thể, UBND các cấp đã ưu ái cho gia đình ông Trần Văn X là gia đình chính sách nên đã cấp cho ông Trần Văn X 02 thửa đất, theo Công văn số 467/CV – ĐC ngày 08/10/2002 về việc hướng dẫn xử lý một số trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở của Sở Địa chính Quảng Trị thì trường hợp của ông Trần Văn X chỉ được xét cấp 01 thửa đất, và gia đình ông X đã xây dựng nhà và ở tại thôn PT, TA nên đáng lẽ không xét cấp đất cho ông X tại thôn AX, xã TA. Đại diện UBND huyện đề nghị xem xét lại việc UBND xã đã xét duyệt cấp đất cho ông X đối với thửa đất tại thôn AX (An Th) theo quy định pháp luật.

- Tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện UBND xã TA, huyện CL, tỉnh QT trình bày:

Năm 2006, sau khi xét nhu cầu của Cộng đồng dân cư thôn AX (nay là thôn ATh) về việc xây dựng nhà văn hóa thôn để phục vụ các hoạt động của cộng đồng, UBND xã TA đã đề nghị lên UBND huyện giải quyết. UBND huyện CL đã đồng ý và quyết định hỗ trợ ngân sách xây dựng công trình Trung tâm sinh hoạt văn hóa và học tập cộng đồng theo Quyết định số 843/QĐ- UBND ngày 31/7/2007. Trong đó, UBND huyện CL hỗ trợ số tiền 20.000.000 đồng, số tiền còn lại do nhân dân trong thôn đóng góp. UBND huyện đã giao UBND xã làm chủ đầu tư công trình này và công trình hoàn thành đưa vào sử dụng vào năm 2007. Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất thì đại diện UBND xã TA nhất trí như trình bày của đại diện Cộng đồng dân cư thôn ATh, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn A trình bày: Đồng ý với ý kiến của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh QT quyết định:

Căn cứ vào Điều 166, Điều 211 của Bộ luật dân sự 2015, khoản 1 Điều 12 Điều 100, Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 227, Điều 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T yêu cầu Cộng đồng dân cư thôn ATh trả lại diện tích đất 499m² và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất tại thửa số 34, tờ bản đồ số 51 cho gia đình bà Hoàng Thị T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04 và ngày 30/8/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn A có kháng cáo đề ngày 03/8/2022 và đơn kháng cáo bổ sung đề ngày 25/8/2022 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 01/8/2022 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh QT sửa bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh QT theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T, buộc Cộng đồng dân cư thôn ATh phải trả lại diện tích 499m² và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 51 cho gia đình bà Hoàng Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn giữ nguyên ý kiến của mình.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Lê Hồng S trình bày: Theo sổ mục kê, thửa đất số 126, tờ bản đồ số 24 có diện tích 1089 m² đăng ký tên người sử dụng Trần X; ông Trần X đã kê khai và sử dụng hơn 1000² đất và sau đó bán lại cho bà Trương Thị Minh L. Năm 2006, thửa đất tranh chấp được dùng để xây dựng nhà văn hóa thôn nhưng không có quyết định thu hồi đất. Mặt khác, Cộng đồng dân cư thôn AX không có quyết định cấp giấy CNQSD đất nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T, buộc Cộng đồng dân cư thôn ATh phải trả lại diện tích 499m² và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 51 cho gia đình bà Hoàng Thị T.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị Thủy Ng đồng ý với ý kiến của Luật sư Lê Hồng S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến trước khi mở phiên tòa. Trình tự thủ tục thời hạn được đảm bảo. Việc chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng quy định tại Điều 285, 286, 287, 290, 292 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện CL.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Cộng đồng dân cư thôn ATh trả lại diện tích đất 499m² và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất tại thửa số 34, tờ bản đồ số 51 cho gia đình bà Hoàng Thị T, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CL theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng pháp luật.

[1.2] Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn A được thực hiện trong thời hạn kháng cáo, đảm bảo nội dung, hình thức theo quy định, nguyên đơn thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Về việc ông A yêu cầu đưa bà Trương Thị Minh L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa liên quan trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông X, bà T được UBND huyện CL cấp giấy CNQSD đất đối với diện tích 450m². Phần diện tích 499m² còn lại chưa được cấp quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông A đã tự ý chuyển nhượng phần diện tích đất 499m² là trái quy định pháp luật. Quá trình xét xử sơ thẩm, bà Lý không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền lợi của mình nên cấp phúc thẩm không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp thì bà Lý có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[1.4] Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thấy các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai do đó căn cứ điểm b khoản Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Văn A, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Năm 1976, sau khi từ miền Bắc trở về quê hương sinh sống, bà T, ông X được bố trí sử dụng 1 thửa đất tại thôn AX (nay là thôn ATh) để xây dựng nhà ở. Đến

cuối năm 1998-1999, do nhu cầu xây dựng lại miếu thờ, ông X đã thỏa thuận với thôn AX di chuyển nhà ở về phía sau sát với đất của bà Tư, để lại phần đất phía trước xây dựng miếu thờ. Năm 1999, ông X, bà T chuyển về quê (thôn PT) sinh sống và được GCNQSD đất số X 542843 ngày 27/12/2002, với diện tích 1.199m² tại thôn PT, xã TA, huyện CL và được chính quyền địa phương hỗ trợ xây nhà tình nghĩa trên thửa đất này. Ông X, bà T giao lại nhà ở thôn AX cho vợ chồng ông A sử dụng đến cuối năm 2000, ông A cũng chuyển về quê sống cùng bố mẹ, lô đất để trống. Sau khi ông X, bà T xin được cấp giấy CNQSD đất đối với thửa đất thông AX, ngày 25/12/2003, UBND huyện CL cấp GCNQSD đất số X 475094 đối với diện tích 450m² (trong đó 200m² đất ở, 250m² đất vườn), tờ bản đồ số 24, số thửa 126/1 mang tên ông Trần Văn X và bà Hoàng Thị T, riêng phần diện tích còn lại 499m² không được cấp giấy CNQSD đất hiện được sử dụng là Nhà văn hóa thôn ATh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặt khác, việc sử dụng đất của ông Trần X không ổn định, liên tục được thể hiện: Từ năm 2000 – 2003, khu đất tranh chấp bỏ trống không sử dụng và ông Trần Văn X kê khai nộp thuế sử dụng đất chỉ đối với thửa đất diện tích 450m² (BL 69).

Theo Sổ mục kê năm 1997: Thửa đất số 126, tờ bản đồ số 24, diện tích 1089m² (bút lục 170), trong đó: Đất ở 200 m²; đất vườn: 300 m²; đất chuyên dùng khác: 589m², đăng ký tên người sử dụng Trần X. Tuy nhiên, trong tổng diện tích 1089m² thì cơ quan nhà nước đã xác định rõ có 589m² đất dùng vào việc làm “nhà thờ”. Đất làm “nhà thờ” được nguyên chủ tịch UBND xã CA thời điểm đó là ông Hoàng Công Kỳ giải thích là dùng để xây dựng miếu báo Hỏa của làng. Tại bản đồ Địa chính chỉnh lý năm 2006: Thửa đất trên thuộc thửa số 167, tờ 24, diện tích 639 m², loại đất tín ngưỡng (bút lục số 22). Tại sổ mục kê năm 2018 của Sở Tài nguyên môi trường tỉnh QT (Bút lục 19), thửa đất thuộc thửa số 34, tờ bản đồ số 51, diện tích 498m², loại đất DSH (đất sinh hoạt cộng đồng), tên người sử dụng là Nhà văn hóa thôn.

Sau khi có khiếu nại của gia đình ông Trần Văn X, UBND xã đã tiến hành giải quyết khiếu nại. Tại “biên bản họp bàn giải quyết đất thổ cư ông Trần X tại thôn AX” ngày 23/6/2003, (Bút lục 98) có nội dung: “*ông Trần X cùng một lúc sử dụng 02 lô đất thổ cư (01 lô được giao sử dụng từ 1976 tại AX và 01 lô tự sử dụng tại thôn PT) là bất hợp lý...Theo Công văn hướng dẫn số 467/CV – ĐC ngày 08/10/2002 của Sở địa chính hộ ông Trần X chỉ được hợp thức hóa hoàn chỉnh thủ tục cấp GCNQSD đất tại Phi Thừa, lô đất tại AX phải được thu hồi*”. Kết luận cuộc họp: “*Xét điều kiện hoàn cảnh gia đình ông Trần X là hộ gia đình chính sách*

khó khăn; nguyện vọng xây dựng hội trường thôn để sinh hoạt cộng đồng nhân dân thôn AX, căn cứ quy hoạch sử dụng đất của UBND xã tại vị trí liên quan... đã thống nhất: Hợp thức hóa lô đất tại AX cho ông Trần X, trong phạm vi phía sau đình làng (bên kia tường rào thôn) đến ranh giới đất ông Thụ diện tích khoảng $450m^2$ ". Tại biên bản này anh Trần Văn A đại diện gia đình ông Trần X đã ghi: "sau khi suy nghĩ kỹ và bàn bạc với gia đình đã thống nhất tôi xin chấp hành những nội dung đã thống nhất..." và ký vào biên bản cuộc họp. Như vậy, có thể khẳng định gia đình ông Trần Văn X, bà Hoàng Thị T đã thống nhất việc giải quyết của UBND xã về việc cấp diện tích đất cho gia đình $450m^2$ với ranh giới đã nêu trên. Quan điểm của nguyên đơn cũng như của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng các cơ quan nhà nước sử dụng đất làm Nhà văn hóa thôn ATh nhưng không có quyết định thu hồi là không đúng vì theo biên bản xác minh, ý kiến của các hộ dân tại thôn AX thì phần đất tranh chấp trước đây là một thửa đất trống do nhà nước quản lý chưa thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông X, bà T.

Về ranh giới, vị trí thửa đất cũng đã được hộ ông Trần Văn X, bà Hoàng Thị T xác định tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/7/2003 (Bl 106) cũng như Biên bản lập hồ sơ thửa đất tại thực địa (BL 107), trong đó đã thể hiện thửa đất có vị trí: phía Bắc giáp đất ông Th1, phía Nam giáp đất quy hoạch Hội trường thôn; Đông giáp với đường thôn, Tây giáp với đất trống.

Do đó, việc bà T khởi kiện đối với phần diện tích đất $499m^2$ chưa được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ nhà văn hóa thôn để trả lại đất cho họ là không có căn cứ pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh QT, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 01/8/2022 của TAND huyện CL.

[4] Về án phí: Kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bà Hoàng Thị T là người có công với cách mạng, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí cho bà Hoàng Thị T.

Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn A, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 01/8/2022 của TAND huyện CL, tỉnh QT.

Căn cứ vào Điều 166, Điều 211 của Bộ luật dân sự 2015, khoản 1 Điều 12 Điều 100, Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 227, Điều 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T yêu cầu Cộng đồng dân cư thôn ATh trả lại diện tích đất 499m² và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất là Trung tâm Văn hóa học tập cộng đồng thôn AX và các công trình phụ tại thửa số 34, tờ bản đồ số 51 cho gia đình bà Hoàng Thị T.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho nguyên đơn bà Hoàng Thị T. Trả lại cho bà Hoàng Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0001981 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án huyện CL, tỉnh QT.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Buộc bà Hoàng Thị T phải chịu số tiền 5.055.000 (*Năm triệu không trăm năm mươi lăm nghìn*) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Bà T đã nộp đủ.

Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND huyện CL;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Tổ HCTP;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Viết Nam

